

Số: *M* /QĐ- BCDDASHTH

Hà Nội, ngày *24* tháng *9* năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2015

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN SỐ HÓA TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020 và Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định 2451/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban chỉ đạo Đề án số hóa truyền hình Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2226/QĐ-BCDDASHTH của Trưởng Ban Chỉ đạo Đề án số hóa truyền hình Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2012 về ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo Đề án số hóa truyền hình Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo Đề án số hóa truyền hình Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*u*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, BCDDASHTH, CTS.100.

TRƯỞNG BAN

[Handwritten signature]

BỘ TRƯỞNG
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Nguyễn Bắc Sơn

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN SỐ HÓA TRUYỀN HÌNH MẶT ĐẤT ĐẾN NĂM 2015

(kèm theo Quyết định số .11.../QĐ-BCĐĐASHTH ngày .24...9.../2013 của Ban Chỉ đạo Đề án số hóa Truyền hình Việt Nam)

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----|--|------------------------------|---|---------------------|
| 1. | Triển khai Đề án thông tin, tuyên truyền số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 2013-2015 |
| 2. | Tổ chức triển khai việc quản lý nhập khẩu các thiết bị truyền hình trên thị trường. | Bộ Tài chính | | 2013-2015 |
| 3. | Tổ chức triển khai việc quản lý lưu thông các thiết bị truyền hình trên thị trường. | Bộ Công thương | | 2013-2015 |
| 4. | Tổ chức hướng dẫn chính sách, trình tự và thủ tục cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Tài chính | 2013-2015 |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----|--|------------------------------|--------------------------|---------------------|
| 5. | Hoàn thiện và công bố hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về truyền hình số. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2013-2014 |
| 6. | Xây dựng và ban hành quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình mặt đất đến năm 2020. | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2013 |
| 7. | Hoàn thiện quy định về quản lý chất lượng đối với việc sản xuất, nhập khẩu thiết bị thu, phát tín hiệu truyền hình số. | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2013 |
| 8. | Quản lý chất lượng dịch vụ truyền dẫn, phát sóng truyền hình. | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2013-2015 |
| 9. | Quy định điều kiện, hình thức cấp phép cho các doanh nghiệp thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất khu vực. | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2013 |
| 10. | Tổ chức cấp phép cho các doanh nghiệp thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất khu vực. | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2014 |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----|--|------------------------------|---|---------------------|
| 11. | Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Đài truyền hình Việt Nam (VTV), Tổng công ty truyền thông đa phương tiện (VTC), Công ty cổ phần Nghe nhìn Toàn cầu (AVG), các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình số mặt đất khu vực tham gia cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất trên phạm vi các tỉnh, thành phố thuộc khu vực 1 và khu vực 2 theo lộ trình số hóa truyền hình. | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2013-2015. |
| 12. | Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn tiếp theo, trong đó xác định rõ thời gian, khu vực, đối tượng và kinh phí hỗ trợ để thực hiện kế hoạch số hóa truyền hình mặt đất. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính | 2013-2015 |
| 13. | Xây dựng và triển khai Đề án điều tra phương thức thu xem truyền hình và đối tượng hỗ trợ. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 2013-2014 |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Thời gian thực hiện |
|-----|--|--|--|---------------------|
| 14. | Tổ chức đảm bảo các nguồn vốn cho việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất và hỗ trợ hộ gia đình trang bị đầu thu truyền hình số. | Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính | 2014-2015 |
| 15. | Chỉ đạo việc tổ chức, sắp xếp lại bộ phận truyền dẫn, phát sóng của Đài Phát thanh truyền hình địa phương theo lộ trình số hoá; chuyển tải kênh chương trình của địa phương trên hạ tầng truyền dẫn, phát sóng của các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất. | Ủy ban nhân dân 05 thành phố trực thuộc Trung ương | | 2013-2015 |
| 16. | Xác định thời điểm cụ thể kết thúc truyền hình tương tự mặt đất trên phạm vi các thành phố thuộc nhóm 1 (Hà Nội cũ, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ). | Bộ Thông tin và Truyền thông | | 2013-2014 |

BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN SỐ HOÁ TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM